

Số: /2021/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

DỰ THẢO 2

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đê điều số 79/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định quy định nội dung bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về nội dung bảo đảm thoát lũ, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều đối với việc xây dựng cầu qua sông có đê theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng chống thiên tai và Luật Đê điều số 60/2020/QH14.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quyết định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động xây dựng, cải tạo cầu qua sông có đê.

Điều 3. Nguyên tắc chung

Việc xây dựng, cải tạo cầu qua sông có đê ngoài tuân thủ các quy định của pháp luật và quy chuẩn kỹ thuật về giao thông, xây dựng, phải tuân thủ các nguyên tắc sau đây:

1. Phù hợp với quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, quy hoạch đê điều; phương án phòng, chống lũ của tuyến sông có đê, phương án phát triển hệ thống đê điều trong quy hoạch tỉnh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Việc xây dựng, cải tạo cầu phải bảo đảm thoát lũ thiết kế và lũ lịch sử của tuyến sông, thông thoáng dòng chảy, an toàn đê điều và giao thông đường thủy theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên phương án xây dựng cầu dẫn trong phạm vi giữa hai tuyến đê, hạn chế làm đường dẫn trên bãi sông. Trường hợp làm đường dẫn trên bãi sông, phải có khoảng dự phòng cho thoát lũ.

4. Ưu tiên ứng dụng công nghệ tiên tiến với khẩu độ nhịp cầu lớn để giảm số lượng trụ cầu trong phạm vi lòng sông, bãi sông; lựa chọn kết cấu và bố trí các trụ cầu phù hợp, xuôi thuận với hướng dòng chảy để hạn chế co hẹp lòng dẫn, thay đổi chế độ dòng chảy của sông.

Điều 4. Quy định cụ thể

1. Khi xây dựng cầu đi qua khu vực bãi sông quy định không được xây dựng công trình theo quy hoạch phòng, chống lũ của tuyến sông có đê được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phải làm cầu dẫn.

2. Khi thiết kế cầu phải tính toán thủy văn, thủy lực, xác định và đánh giá ảnh hưởng của việc xây dựng cầu đến thoát lũ; an toàn chống lũ của đê; ổn định lòng, bờ, bãi sông; hoạt động của các công trình lân cận và giao thông đường thủy; đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục, cụ thể:

a) Tính toán thiết kế đảm bảo thoát lũ thiết kế, lũ lịch sử sau khi xây dựng cầu.

b) Tính toán xác định sự biến đổi mực nước; đánh giá ảnh hưởng đến an toàn chống lũ của đê (cao trình chống lũ; ổn định thân đê, nền đê); sự ổn định và hoạt động của các công trình trong phạm vi ảnh hưởng; đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục đảm bảo an toàn.

c) Tính toán xác định sự thay đổi về hướng, vận tốc dòng chảy ở thượng lưu, hạ lưu và vị trí cầu; đánh giá ảnh hưởng đến xói, sạt lở đê điều, lòng, bờ, bãi sông, các công trình lân cận và hoạt động giao thông đường thủy; đề xuất giải pháp xử lý, khắc phục đảm bảo an toàn.

3. Vị trí giao cắt giữa cầu và đê phải đảm bảo giao thông an toàn, liền mạch, thông suốt trên đê và có phương án kết nối giao thông giữa cầu với đê để thuận tiện cho công tác kiểm tra, ứng cứu, hộ đê trong mùa mưa lũ. Giao thông của tuyến đê tại vị trí giao cắt với cầu phải đảm bảo tính không tối thiểu là 4,75m.

4. Khi xây dựng, cải tạo đối với các cầu hiện có, phải tính toán thủy văn, thủy lực hệ thống sông để kiểm tra khả năng bảo đảm thoát lũ của cầu. Trường hợp không đảm bảo thoát lũ theo quy định, phải có giải pháp mở rộng khẩu độ cầu để bảo đảm thoát lũ.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Quốc hội; UBTW Quốc hội;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NN (10b).

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc